

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H. CT-TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 257 /2021/DS-ST

Ngày: 01/7/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hiếu**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tạ Công Minh**

Bà Phan Thị Quý

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Đông**

Ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2021/TLST-DS ngày 01/4/2021 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: 49B/2, ấp G, thị trấn TH, huyện CT, Tiền Giang.

* *Bị đơn:* **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1957 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 175/1, ấp C, thị trấn TH, huyện CT, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà L trình bày: bà có tham gia 02 dây hụi do bà Bé H làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Hụi khai ngày 05/9/2018 (âm lịch), hụi 1.000.000đồng/tháng, có 29 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng 28 kỳ, đến kỳ mở hụi 29 (ngày 05/12/2020 âm lịch) thì bà hốt với số tiền 28.000.000đồng nhưng bà Bé H không giao tiền.

Hụi khai ngày 30/4/2020 (âm lịch), hụi 1.000.000đồng/tháng, có 29 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng 08 kỳ, với số tiền 6.400.000đồng.

Ngoài ra bà có mua 01 phần hụi của bà Bé H với số tiền 28.000.000đồng

Đến tháng 10 năm 2020 bà Bé H tuyên bố vỡ hụi. Nay bà yêu cầu bà Bé H trả 62.000.000đồng (bớt 400.000đồng).

* Bị đơn bà Bé H trình bày: bà thừa nhận bà L có tham gia hụi và mua hụi như bà L trình bày. Do hụi bẽ nên vào ngày 28/12/2020 (âm lịch) bà có làm giấy chốt nợ với bà L với số tiền 62.400.000đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn có đơn xin vắng mặt, đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: bà L yêu cầu bà Bé H trả 62.000.000đồng tiền hụi.

Theo bà L trình bày bà có tham gia 02 dây hụi và mua 01 phần hụi do bà Bé H làm đầu thảo, trong quá trình tham gia thì bà Bé H tuyên bố bẽ hụi.

Sau đó bà Bé H có làm biên nhận chốt nợ với bà, với tổng số nợ 62.400.000đồng.

Xét thấy, theo giấy chốt nợ do bà Bé H lập đề ngày 28/12/2020 (âm lịch) thể hiện bà Bé H có nợ bà L tổng cộng 62.400.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2021 bà Bé H cũng thừa nhận bà L có tham gia hụi và bà có nợ bà L số tiền này.

Do đó nay bà L yêu cầu bà Bé H trả lại số tiền này là có căn cứ, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: bà Bé H có đơn xin miễn án phí với lý do bà thuộc diện người cao tuổi. Đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 18, khoản 3 Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, quy định về họ, hụi, biếu, phường.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Bé H trả cho bà Nguyễn Thị L 62.000.000đồng (sáu mươi hai triệu đồng) tiền hụi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- VKSND h.CT;
- CCTHADS h.CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

ĐÃ KÝ

Võ Ngọc Hiếu